

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 06 - 01 - 2022
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Trần Văn Út

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 187/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 (Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 01/12/2021) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Tuấn K**, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ B, xã H Th, huyện Ch Th, tỉnh T V.

Bị đơn: Ông **Bùi Thanh S**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 87/27 khóm 5, phường 9, thành phố T V, tỉnh T V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Tuấn K trình bày: Ông có cho ông Bùi Thanh S vay 04 lần với tổng số tiền 55.000.000đ kèm theo biên nhận cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/8/2020 ông S vay số tiền 20.000.000đ.

Lần 2: Ngày 24/9/2020 ông S vay số tiền 10.000.000đ.

Lần 3: Ngày 28/9/2020 ông S vay số tiền 20.000.000đ.

Lần 4: Ngày 17/10/2020 ông S vay số tiền 5.000.000đ.

Thời gian thỏa thuận vay là 02 tháng phải trả gốc lẫn lãi, hết thời gian 02 tháng mà ông S vẫn không trả gốc lẫn lãi cho ông K. Do nhu cầu cần vốn làm ăn nên ông K đã nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ nhưng ông S không trả. Nay, ông K yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giải quyết buộc ông Bùi Thanh S phải có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Tuấn K số nợ gốc là 55.000.000đ.

Lãi suất: Theo đơn khởi kiện ông K yêu cầu ông S phải trả cho ông 1,5%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông K rút một phần yêu cầu về lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Thanh S vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

+ Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ gốc (bản chính) chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu về lãi suất nguyên đơn rút yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Tuấn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh S phải trả cho ông số tiền vốn gốc 55.000.000đ và lãi suất nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Bùi Thanh S có nơi cư trú khóm 5, phường 9, thành phố

T V, tỉnh T V nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ là xác minh nơi cư trú của ông Bùi Thanh S, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Tuấn K có nhiều lời khai cho rằng có cho ông Bùi Thanh S vay tiền của ông 04 lần với tổng số tiền 55.000.000đ, có làm biên nhận và ông K gửi kèm theo đơn khởi kiện 04 bản sao “*Giấy biên nhận vay tiền*” không có công chứng, chứng thực. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 12/11/2021, thì ông K không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ. Do ông K không cung cấp được bản gốc các biên nhận vay tiền ngày 03/8/2020, ngày 24/9/2020, ngày 28/9/2020, ngày 17/10/2020 để chứng minh ông Bùi Thanh S có vay tiền của ông K 55.000.000đ. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 ra Quyết định số 60/2021/QĐ/CCTLCC ngày 18/11/2021 về việc yêu cầu ông Bùi Tuấn K cung cấp chứng cứ là bản gốc nhưng ông K vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gốc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự, cụ thể khoản 1 quy định “*1. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp...*”. Tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng...để Tòa án sử*

dụng làm căn cứ xác định tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”. Tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định “1. Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc là bản sao có công chứng chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Đối chiếu với các quy định nêu trên, thì ông K không đưa ra được chứng cứ là các biên nhận gốc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, ông K cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

- *Về phía bị đơn:* Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tuấn K là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay, ông K rút một phần yêu cầu về lãi suất. Do đó, được Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông K đã rút.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của ông K không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông K phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 4 Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 95; khoản 1 Điều 96 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 429, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tuấn K về yêu cầu ông Bùi Thanh S trả vốn gốc 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*).

Đình chỉ xét xử yêu cầu về phần lãi suất mà ông Bùi Tuấn K đã rút.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Tuấn K phải có nghĩa vụ nộp 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0005854 ngày 11/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, ông K còn phải nộp thêm 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gấm